

Bản án số: 334/2024/DS-ST  
Ngày: 30 - 8 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đoàn Văn Rỹ.

2. Bà Thái Thục Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Hiền.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1.

Địa chỉ trụ sở: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Ông Trần Gia T, sinh năm 1976. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy uỷ quyền số 739/2024/UQ-TGD lập ngày 11/01/2024).

2. Bị đơn: Ông Võ Hoàng S, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** có đại diện theo uỷ quyền là ông **Trần Gia T** trình bày:

Ngày 30/5/2019, ông **Võ Hoàng S** và **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** (đơn vị phát hành thẻ) với nội dung:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;
- + Loại thẻ: Master;
- + Số thẻ: 512341 – 1355;
- + Lãi suất áp dụng: 2,6%/tháng;
- + Mục đích vay: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày 06/6/2024, ông **S** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 459.044.600 đồng và đã thanh toán số tiền 449.788.100 đồng.

Do ông **S** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** đã nhiều lần làm việc, thông báo nhưng ông **S** không trả nợ.

Ngày 23/10/2021, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 23.214.368 đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Ngày 22/7/2022, ông **S** thanh toán thêm số tiền 8.000.000 đồng. Nên nợ gốc của ông **S** còn lại là 15.214.368 đồng. Dư nợ của ông **Võ Hoàng S** tạm tính đến ngày 30/8/2024 là 38.433.465 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 15.214.368 đồng, tiền lãi quá hạn là 23.219.097 đồng.

Việc ông **S** vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm cam kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1**. Do đó, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 8 giải quyết:

- Buộc ông **Võ Hoàng S** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** một lần toàn bộ số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/08/2024 là 38.433.465 (ba mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm sáu mươi lăm) đồng. Trong đó: tiền nợ gốc là 15.214.368 đồng; tiền nợ lãi quá hạn là 23.219.097 đồng.

- Yêu cầu ông **S** có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/8/2024 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 30/5/2019.

Tại phiên toà sơ thẩm,

- Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn ông **Võ Hoàng S** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông **Võ Hoàng S** vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Võ Hoàng S** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1**.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** đã cung cấp đầy đủ lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông **Võ Hoàng S** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp lời khai, chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **Võ Hoàng S** phải trả tiền nợ gốc, tiền lãi theo thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Đây là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ kết quả trả lời xác minh của **Ban C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh** thể hiện ông **Võ Hoàng S** hiện không thực tế cư trú tại địa chỉ **số A đường L, khu phố A, Phường A, Quận H**, ông **S** đã bị xóa khẩu vào ngày 20/7/2023. Như vậy, ông **S** đi khỏi địa phương nhưng không thông báo cho chính quyền địa phương và nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Bị đơn là ông **Võ Hoàng S** có nơi cư trú cuối cùng tại **Quận H**, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** ngày 30/5/2019 có cơ sở xác định ông **Võ Hoàng S** mở thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000 đồng tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Đây là hợp đồng tín dụng, có thoả thuận lãi suất theo đúng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Ông **Võ Hoàng S** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/08/2024 là

38.433.465 đồng (Ba mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng) trong đó: Nợ gốc: 15.214.368 đồng; Nợ lãi quá hạn: 23.219.097 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Tại phiên toà, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông **Võ Hoàng S** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. **H** lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1**.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 40; Điều 116; Điều 117; khoản 1 Điều 119; Điều 157; Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1**.

1.1. Buộc bị đơn ông **Võ Hoàng S** phải thanh toán cho nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** số tiền tính đến ngày 30/8/2024 là 38.433.465 (ba mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm sáu mươi lăm) đồng. Trong đó: tiền nợ gốc là 15.214.368 đồng; tiền nợ lãi quá hạn là 23.219.097 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Ông **Võ Hoàng S** còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 31/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/5/2019. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Võ Hoàng S** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.921.673 (một triệu, chín trăm hai mươi một ngàn, sáu trăm bảy mươi ba) đồng.

**H** lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 845.129 (tám trăm bốn mươi lăm ngàn, một trăm hai mươi chín) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000895 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

## 4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1**, ông **Võ Hoàng S** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 8, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Thắng**